

THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 20 THẾ KỶ XX

TẠ THỊ THÚY*

Trong những năm sau Thế chiến I, như hầu hết các ngành kinh tế khác, kinh tế thương nghiệp, nhất là ngoại thương của Việt Nam đã phát triển song song với sự biến động của đồng tiền, của sự phát triển các ngành kinh tế nói chung, sự mở rộng các hệ thống giao thông thủy, bộ, và sự chuyển biến của đời sống xã hội thuộc địa. Sự phát triển của ngành kinh tế này là kết quả đầu tư vốn vào các ngành kinh tế và đến lượt nó, lại có tác dụng quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư, kích thích sự phát triển của các ngành kinh tế khác.

Một đặc điểm được các tác giả nhấn mạnh về sự phát triển của nền kinh tế thuộc địa Việt Nam giai đoạn ngay sau Thế chiến I là sự lệ thuộc nhiều hơn của thương nghiệp, nhất là ngoại thương vào nền sản xuất thuộc địa, so với ở những giai đoạn trước. Điều này cũng có ý nói tới sự độc lập tương đối của nền kinh tế thuộc địa sau chiến tranh. Trước chiến tranh, mọi hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa cho Đông Dương là do một số công ty thương mại chính quốc nắm độc quyền (Liên đoàn Thương mại Phi Châu; Công ty Descours và Cabaud; Công ty Thương mại và Vận tải

đường thủy Viễn Đông, cùng một số công ty chuyên buôn bán gạo với Nam Kỳ (như Công ty Nhà máy gạo Viễn Đông, Công ty Thương mại Đông Dương). Và, trong hoàn cảnh một nền kinh tế phụ thuộc vào chính quốc thì chính các công ty thương mại này chi phối hoạt động của nền kinh tế ấy. Sau chiến tranh, việc xuất nhập khẩu không phải chỉ là nhu cầu của giới tư bản công nghiệp và tài chính Pháp (do muốn bán nhiều cho Đông Dương vì đồng Đông Dương lên giá và đồng Franc (fr) mất giá) mà việc trao đổi hàng hóa còn là nhu cầu của thị trường tiêu dùng tại thuộc địa, nhất là nhu cầu của giới tư bản thuộc địa trong việc thực hiện tư bản, được đầu tư một cách ồ ạt vào các ngành kinh tế.

Trên thực tế, các công ty thương mại cũ đã tăng vốn đầu tư vẫn không đáp ứng được nhu cầu của hoạt động thương mại ở thuộc địa. Vì vậy, các công ty mới đã được lập ra ngày một nhiều ở Việt Nam, song song với sự tăng lên của các công ty kinh doanh trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... Trong lĩnh vực này, tư bản Pháp thậm chí đã phải chấp nhận một phần hoạt động của một số thương nhân

* TS. Viện Sử học.

người Việt, mặc dù vẫn chèn ép và khống chế.

Điều đáng lưu ý nữa là cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu của Đông Dương trong giai đoạn này vẫn không có gì thay đổi, tức là Đông Dương vẫn chủ yếu xuất đi nguyên vật liệu và mua về những chế phẩm công nghiệp. Do đó, ngoại thương càng phát triển và thặng dư trong cán cân thương mại càng lớn, nền kinh tế thuộc địa càng rơi vào tình trạng phát triển bất hợp lý, thuộc địa càng bị bóc lột nhiều hơn, càng nghèo hơn và càng chậm tiến hơn.

Sau chiến tranh, trong trật tự đầu tư, thương nghiệp từ vị trí thứ ba ở giai đoạn trước đã bị đẩy xuống hàng thứ năm sau nông nghiệp, mỏ, công nghiệp và giao thông. Tuy nhiên, số tiền mà các nhà tư bản bỏ vào lĩnh vực này lớn hơn nhiều so với trước (40 triệu fr), gấp đến 9 lần nếu theo số thống kê của Ch. Robequain (363,6 triệu fr) (1) và 6 lần nếu theo số thống kê của các Pierre Brocheux và Daniel Hémerly (252,056 triệu fr) (2).

Theo thống kê của Martin J. Murray thì cho đến những năm 1919-1930, có 47 công ty thương mại được thành lập ở Đông Dương với tổng số vốn 266,91 triệu fr (3). Trong 47 công ty đó, chúng tôi đếm được 19 công ty thành lập trước năm 1919, vốn 96,16 triệu fr và 32 công ty dịch vụ thương mại thành lập trong khoảng từ 1919 đến 1927, vốn 129,25 triệu fr. Chiếm phần lớn trong số đó là các công ty xuất nhập khẩu nông phẩm (gạo, cao su, chè, lụa...) và các công ty xuất, nhập khẩu đồ kim khí, hàng chế tạo, đồ tạp hóa.

Còn như theo thống kê của chúng tôi, dựa vào tài liệu của cơ quan Tài chính Đông Dương năm 1930 (4), trên phạm vi cả ba kỳ, có tới 75 công ty thương mại (bao

gồm cả một số công ty dịch vụ, du lịch) đã được thành lập trong những năm 1919 - 1930, với tổng số vốn 143,592 triệu fr, trong đó: Bắc Kỳ 15 công ty, vốn 28,082 triệu fr; Trung Kỳ 4 công ty, vốn 1,348 triệu fr; Nam Kỳ 56 công ty, vốn 114,151 triệu fr. Đại đa số các công ty này có số vốn từ 1 triệu fr trở lên.

Do đó, nếu tính thêm tất cả các công ty có hoạt động thương mại, những công ty hỗn hợp công - nông - thương nghiệp, được thành lập ở cả chính quốc và thuộc địa, trước và sau năm 1919, con số các công ty và số vốn được bỏ vào lĩnh vực này sẽ là lớn hơn những con số trên.

Sản xuất trong nước tăng lên, nhất là trong những ngành sản xuất nguồn hàng cho xuất khẩu. Việc tăng vốn đầu tư và sự ra đời của các công ty thương mại như đã nêu ở trên là những nguyên nhân của sự phát triển của hoạt động thương mại. Nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước càng lớn thì những hoạt động này càng sôi nổi hơn.

Điều này được thể hiện, trước hết ở sự tăng lên của xuất khẩu hàng hóa và được các tác giả gọi là "cú nhảy ngoạn mục của việc bán ra" (5) của Đông Dương, trong những năm 1920 - 1930.

Nếu như năm 1918 Đông Dương mới bán được số hàng trị giá 594 triệu fr và năm 1922 so với 1918 chỉ tăng 54 triệu fr vàng thì từ 1924 giá trị hàng hóa bán ra tăng lên đáng kể như sau (6):

Năm 1924: 3.160 triệu fr lưu chuyển, tương đương 845 triệu fr vàng, tức là tăng 197 triệu fr vàng so với năm 1922;

Năm 1925: 4.236 triệu fr, tương đương 1.059 triệu fr vàng;

Năm 1926: 6.722 triệu fr, tương đương 1.251 triệu fr vàng, tăng 210%(so bằng fr vàng) và 1130% (so bằng fr lưu chuyển) trong 9 năm (so với 1918).

Sự phát triển của thương mại còn được thể hiện ở sự vượt trội của cán cân thương mại

Theo thống kê của Patrice Morlat thì trong 7 năm từ 1918 đến 1926, thặng dư trong cán cân thương mại của Đông Dương đã tăng lên 6,6 lần (718 triệu fr vàng so với 108 triệu fr vàng) và tổng số lợi nhuận mà các công ty thương mại Đông Dương thu được trong 7 năm này là 1.868 triệu fr vàng (tương đương 32 tỷ fr hiện nay) (7).

Tạp chí *Kinh tế Đông Dương* (8) lập một bảng tổng hợp về cán cân thương mại của Đông Dương trong những năm 1918- 1930 theo cả trọng lượng hàng hoá cũng như theo giá trị hàng hóa (xem bảng 1).

Về cơ cấu xuất, nhập khẩu, theo những tài liệu thống kê của cơ quan kinh tế Đông Dương (9), việc xuất khẩu mặt hàng lương thực, thực phẩm (chủ yếu là gạo, ngô, hạt tiêu, cà phê, củi dứa, đường, cá khô, cá hun khói, của Đông Dương) tăng đáng kể trong những năm 20, nhưng không bằng tốc độ tăng của những thực phẩm mua vào (bơ, sữa, phó mát, rượu, thuốc lá, bột mì) dành cho tiêu dùng của người Âu và những tầng lớp khá giả ở thuộc địa.

Cũng như vậy đối với những nguyên liệu dùng trong công nghiệp. Đông Dương xuất khẩu nhiều cao su, xi măng, quặng mỏ, da thô... và nhập vào chủ yếu là bông và sắt thép bán thành phẩm. Trong những năm 1924-1930, tốc độ xuất khẩu các mặt hàng này tăng lên, đúng với nhịp độ phát triển của ngành khai mỏ, ngành công nghiệp xi măng và ngành kinh tế đồn điền trong khi đó việc nhập khẩu nguyên liệu cho các

Bảng 1

Năm	Trọng lượng (nghìn tấn)			Giá trị (piastre)		
	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Cán cân	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Cán cân
1918	191	2.105	+ 1.914	69	118	+ 49
1919	189	1.689	+ 1.500	81	137	+ 56
1920	263	2.049	+ 1.786	138	180	+ 42
1921	281	2.760	+ 2.479	131	177	+ 46
1922	304	2.485	+ 2.181	132	150	+ 18
1923	356	2.490	+ 2.134	180	180	-
1924	450	2.260	+ 1.810	140	180	+ 40
1925	418	2.564	+ 2.146	150	210	+ 60
1926	503	2.869	+ 2.366	170	230	+ 60
1927	529	3.036	+ 2.507	210	230	+ 20
1928	540	3.434	+ 2.894	200	230	+ 30
1929	590	3.287	+ 2.697	230	230	-
1930	521	2.864	+ 2.263	180	180	-

Năm 1926: 6.722 triệu fr, tương đương 1.251 triệu fr vàng, tăng 210%(so bằng fr vàng) và 1130% (so bằng fr lưu chuyển) trong 9 năm (so với 1918).

Sự phát triển của thương mại còn được thể hiện ở sự vượt trội của cán cân thương mại

Theo thống kê của Patrice Morlat thì trong 7 năm từ 1918 đến 1926, thặng dư trong cán cân thương mại của Đông Dương đã tăng lên 6,6 lần (718 triệu fr vàng so với 108 triệu fr vàng) và tổng số lợi nhuận mà các công ty thương mại Đông Dương thu được trong 7 năm này là 1.868 triệu fr vàng (tương đương 32 tỷ fr hiện nay) (7).

Tạp chí *Kinh tế Đông Dương* (8) lập một bảng tổng hợp về cán cân thương mại của Đông Dương trong những năm 1918- 1930 theo cả trọng lượng hàng hoá cũng như theo giá trị hàng hóa (xem bảng 1).

Về cơ cấu xuất, nhập khẩu, theo những tài liệu thống kê của cơ quan kinh tế Đông Dương (9), việc xuất khẩu mặt hàng lương thực, thực phẩm (chủ yếu là gạo, ngô, hạt tiêu, cà phê, củi dứa, đường, cá khô, cá hun khói, của Đông Dương) tăng đáng kể trong những năm 20, nhưng không bằng tốc độ tăng của những thực phẩm mua vào (bơ, sữa, phó mát, rượu, thuốc lá, bột mì) dành cho tiêu dùng của người Âu và những tầng lớp khá giả ở thuộc địa.

Cũng như vậy đối với những nguyên liệu dùng trong công nghiệp. Đông Dương xuất khẩu nhiều cao su, xi măng, quặng mỏ, da thô... và nhập vào chủ yếu là bông và sắt thép bán thành phẩm. Trong những năm 1924-1930, tốc độ xuất khẩu các mặt hàng này tăng lên, đúng với nhịp độ phát triển của ngành khai mỏ, ngành công nghiệp xi măng và ngành kinh tế đồn điền trong khi đó việc nhập khẩu nguyên liệu cho các

Bảng 1

Năm	Trọng lượng (nghìn tấn)			Giá trị (piastre)		
	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Cán cân	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Cán cân
1918	191	2.105	+ 1.914	69	118	+ 49
1919	189	1.689	+ 1.500	81	137	+ 56
1920	263	2.049	+ 1.786	138	180	+ 42
1921	281	2.760	+ 2.479	131	177	+ 46
1922	304	2.485	+ 2.181	132	150	+ 18
1923	356	2.490	+ 2.134	180	180	-
1924	450	2.260	+ 1.810	140	180	+ 40
1925	418	2.564	+ 2.146	150	210	+ 60
1926	503	2.869	+ 2.366	170	230	+ 60
1927	529	3.036	+ 2.507	210	230	+ 20
1928	540	3.434	+ 2.894	200	230	+ 30
1929	590	3.287	+ 2.697	230	230	-
1930	521	2.864	+ 2.263	180	180	-

nhà máy dệt và các xưởng cơ khí tăng nhanh chóng tỏ việc sản xuất tại các cơ sở đó và việc xây dựng các công trình tăng lên.

Đối với các chế phẩm, tốc độ nhập vào tăng nhanh hơn tốc độ xuất ra, chứng tỏ Việt Nam chưa sản xuất được những chế phẩm như dầu hoả, xe đạp, xe ô tô, quần áo may sẵn... cho nhu cầu ngày càng tăng của thị trường nội địa khi mà quá trình đô thị hóa và Âu hóa diễn ra ngày càng nhanh tại các đô thị, các trung tâm kinh tế và những nơi tập trung đông dân nước ngoài.

Sự tiến triển của ngoại thương Đông Dương còn được khẳng định nếu đem so sánh với việc buôn bán của chính quốc - luôn trong tình trạng thâm hụt trong giai đoạn này, với số thâm hụt lên đến 18,5 tỷ fr vàng (10).

Trong các nước có quan hệ thương mại với Đông Dương ở giai đoạn 1919- 1930, Đông Dương bán nhiều nhất sang Hồng Kông (762 triệu \$), rồi mới đến Pháp (593 triệu \$) và các nước khác như Trung Quốc (241 triệu \$), Singapour (232 triệu \$), Nhật Bản (182 triệu \$), Indônêxia (144 triệu \$) và cuối cùng là Philippine (50,2 triệu \$) (11).

Trong khi đó, Đông Dương mua chủ yếu từ Pháp (880 triệu \$), rồi mới tới Hồng Kông (402 triệu \$), Trung Quốc (137 triệu \$), Singapour (105 triệu \$) và các nước khác: Indônêxia (83 triệu \$), Ấn Độ (82 triệu \$), Mỹ (70 triệu \$), Nhật Bản (35 triệu \$) (12).

Như vậy, trong các nước buôn bán với Đông Dương, Pháp là nước luôn xuất siêu sang Đông Dương và là nước đứng đầu trong các nước xuất khẩu hàng hóa sang thuộc địa này.

Để bảo vệ quyền lợi của Pháp về thương mại tại thị trường Đông Dương, ngay sau chiến tranh, chính quyền thuộc địa đã ban hành 2 sắc lệnh 8-7-1919 và 13-1-1920 để sửa lại chế độ thuế quan cho Đông Dương. Hai sắc lệnh đó tăng mức thuế tối thiểu đối với tất cả những mặt hàng, có thể cạnh tranh với những mặt hàng tương tự của Pháp hay là của Đông Dương, được sản xuất từ Nhật và giữ nguyên mức thuế đối với những mặt hàng không bị đe dọa, đồng thời còn giảm mức thuế đối với những sản phẩm cần cho hoạt động kinh tế ở Đông Dương (dầu mazout, máy nông nghiệp...). Điều này cản trở quan hệ thương mại giữa Đông Dương với các nước trong khu vực, dành nhiều thị trường hơn cho hàng của Pháp, tạo ra một sự bất bình đẳng giữa những nước buôn bán với Đông Dương. Trên thực tế, hàng hóa của Trung Quốc bị đánh thuế gần 100%, trong khi hàng của Pháp vào Đông Dương lại chỉ bị đánh thuế 7,5%, theo các hiệp ước thương mại Pháp-Trung (13). Mục đích của việc đặt ra chế độ quan thuế mới là:

"Cho phép Đông Dương có được một sự phát triển trong đó nền tài chính chính quốc đang suy thoái, có được một lợi ích chắc chắn... mà không tức mắt của chính quyền quyền ưu tiên đưa hàng hóa của mình vào Đông Dương. Đông Dương dần thịnh vượng và cũng giúp cho nước Pháp, trong khả năng tốt nhất của mình trong công cuộc vực dậy nền kinh tế" (14).

Ngày 5-7-1928, toàn quyền Đông Dương ra nghị định để ban hành ở Đông Dương đạo luật ngày 13-4-1928 của chính phủ Pháp về chế độ quan thuế đối với các thuộc địa. Đạo luật này bổ sung cho những qui định trước nhằm thắt chặt hơn sự kiểm soát của chính quốc đối với hàng hóa nhập vào

các thuộc địa, nhất là từ phía Trung Quốc, bảo vệ quyền lợi của tư bản Pháp. Chế độ quan thuế này làm cho nền thương mại của Đông Dương ngày càng chiếm tỷ lệ lớn hơn trong nền thương mại chính quốc mà theo các tác giả là: 3,4% (năm 1919); 5,9% năm 1921 và tăng lên đến 7,3% năm 1926 (15). Tức là so với nó, tỷ lệ đó đã tăng 214% trong 7 năm (16). Thế nhưng, điều đó cũng có nghĩa là nền kinh tế thuộc địa đã bị bóc lột nhiều hơn và tình trạng bất hợp lý của sự phát triển ngày càng trầm trọng hơn.

Cuối cùng thì chế độ quan thuế này chỉ làm lợi cho các công ty tư bản. Còn lại, chính sách độc quyền thương mại của chính quyền thực dân đã làm cho giá cả thêm đắt đỏ, đời sống của nhân dân ngày thêm điêu đứng hơn.

Sự phát triển của thương mại còn được thể hiện ở sự phát triển trong chừng mực nhất định của nội thương

Sự phát triển của nội thương được biểu hiện trong khối lượng của các nguồn hàng, sự ra đời của các cơ sở dịch vụ thương mại, của những thương nhân các loại, của việc vận chuyển hàng hóa và sự giao lưu hàng hóa giữa các vùng miền, của việc tiêu thụ những mặt hàng công nghiệp và những mặt hàng ngoại nhập, trong giá trị kinh tế mà ngành này mang lại. Lấy một vài ví dụ:

Báo cáo tháng 12 năm 1923 của cơ quan Thương chính Bắc Kỳ về tình hình buôn bán trên vùng Bảo Lạc, giáp với Trung Quốc như sau :

"...những chỉ số đã chỉ ra rằng các vụ áp phe đã lấy lại được nhịp độ như thường do sức mua của dân nông thôn tăng lên" (17).

Cũng báo cáo này đã viết về vùng Phú Nghĩa (Trung Kỳ):

"Các chợ đều rất đắt khách vì những phương tiện mua bán mạnh hơn, nhờ vào việc bán các sản phẩm nông nghiệp, trong đó người ta nhấn mạnh sự tiến triển của việc trồng trọt các loại cây trồng của châu Âu" (18).

Về điều này, có thể lấy cà phê làm ví dụ. Trong một bản báo cáo về *"Cà phê ở Trung và Bắc Kỳ"* năm 1927, tác giả viết:

"... Điều hấp dẫn ở đây ấy là việc người bản xứ bắt đầu tiêu thụ cà phê do đã thích loại đồ uống này. Không phải chỉ có người bản xứ mà ngay cả những người làm công, làm thuê trong các gia đình người Âu cũng bắt quen với cà phê do họ bắt chước. Vì vậy, người ta mới thấy rằng tại các chợ ở những đô thị lớn, những quán ăn nhỏ cũng bán cà phê như bán chè cho những người ở... Ngay cả ở những vùng nông thôn, tại những nơi có trồng cà phê, người bản xứ cũng quen nhanh với việc uống cà phê. Rất may là cà phê đã được người bản xứ chấp nhận, mặt khác, chất lượng cà phê Bắc Kỳ đã được quân đội ở Đông Dương ưa chuộng. Cũng như vậy, các trường học, bệnh viện đã hấp thụ một lượng lớn cà phê tại chỗ..." (19).

Hơn cà phê, các mặt hàng mới như dầu hoả, đồ kim khí gia dụng, xà phòng... cũng đã dần dần thâm nhập sâu vào các vùng thôn quê, nhờ vào việc nhập khẩu.

Cũng báo cáo của cơ quan thương chính trên cho biết trên vùng Cao Bằng:

"Việc buôn bán dầu hoả rất phát đạt. Việc cung cấp đến từ Trung Quốc, qua Đồng Đăng và Cao Bằng hoặc là do nhập khẩu, nhãn hiệu Comet, Croix và Poisson... Cao Bằng cũng nhập về từ đồng bằng thuốc Lào, diêm, sợi bông trong khi xuất cho đồng bằng đậu vàng, củ nâu..."

Việc thông thương hàng hóa giữa các vùng trong nước diễn ra một cách nhộn nhịp. Đây là giữa các vùng trong nội địa và các bến cảng; giữa các tỉnh đồng bằng và các tỉnh miền núi; giữa các vùng sản xuất với các vùng khác; giữa các xứ với nhau...và điều này đã được phản ánh trên hầu hết các báo cáo kinh tế của các xứ, các tỉnh. Chẳng hạn:

Tại Vân Đồn, tháng 6-1924:

"...Việc buôn bán rất được thoả mãn qua việc nhập vào từ Hải Phòng 48 tấn hàng các loại; 3.200 kg gạo dành cho dân Kế Bào, trong khi xuất cho Hải Phòng 489 tấn than các loại..." và tháng 4-1925: "... mua từ Hải phòng 82.900 kg gạo; 14.850 kg photphat; 76.594 kg hàng hóa các loại; 71.000 kg sắt 9.100 kg ximăng; 1.000 kg dầu hoả và xuất cho Hải Phòng 30.000 kg than 283 m³ gỗ..." (20).

Cuối cùng, sự phát triển đáng kể của thương mại những năm 1920 được thể hiện trong bảng thống kê tổng hợp về kết quả hoạt động của cả nội thương và ngoại thương trong bảng 2 (tính bằng fr) (21).

Bảng 2

Năm	Ngoại thương	Nội thương	Tổng cộng
1924	4.085.108.000	1.860.458.000	5.945.566.000
1925	5.394.820.000	2.477.150.000	7.871.970.000
1926	8.543.465.000	3.572.286.000	12.115.751.000
1927	6.953.344.000	3.544.761.000	10.498.105.000
1928	6.818.043.000	3.260.877.000	10.078.920.000
1929	6.357.947.000	3.671.964.000	10.029.911.000

Tổng kim ngạch hoạt động thương mại của Đông Dương trong 6 năm này là 56.540.223.000 fr, trung bình năm là hơn 9 tỷ fr, trong đó, nội thương chiếm 18.387.496.000 fr, ngoại thương chiếm đa số còn lại 38.152.727.000 fr.

Về thương mại, một hình thức kinh doanh mới được người Pháp nhập vào cũng rất phát triển trong giai đoạn này, đó là việc buôn bán bất động sản mà chủ yếu là kinh doanh về ruộng đất ở thành phố, nhất là ở những vùng đất đồn điền do sự phát triển của các công ty nông nghiệp. Vốn mà các công ty đầu tư vào lĩnh vực này trước đây được Robequain gộp chung vào với vốn hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, do đó không thể xác định chính xác số tiền đã được đầu tư vào việc mua bán bất động sản của các công ty. Còn như theo P. Brocheux và D. Hémerly thì vốn được đầu tư vào ruộng đất và bất động sản trong những năm 1924-1930 là 391.449.000 fr (22).

Trong hoạt động thương mại, còn phải kể đến một hình thức buôn bán đặc biệt đối với một số mặt hàng đặc biệt do chính quyền thuộc địa trực tiếp quản lý (gọi là chế độ quan quản) thông qua hệ thống các cơ sở độc quyền, hay còn gọi là các Ty (Régies) mà nguồn lợi nhuận do việc buôn bán này, được thu theo chế độ thuế thương chính, đảm bảo phần lớn thu nhập của ngân sách liên bang trong danh mục thuế

gián thu, cũng có nghĩa là đảm bảo phần lớn số chi của nền tài chính công của chính quyền thuộc địa. Ba mặt hàng quan trọng nhất của chế độ độc quyền đó là rượu, muối và thuốc phiện, kể đến là dầu mỏ, thuốc lá,

bài tây, thuốc nổ, diêm - những mặt hàng thiết yếu trong đời sống dân sinh, như chúng tôi đã nói tới trong bài viết về hoạt động tài chính của chính quyền thuộc địa trong giai đoạn này.

Như vậy, trên đây chúng tôi đã đi qua về tình trạng của ngành kinh tế thương mại trong những năm sau Thế chiến I. Sự phát triển của các ngành kinh tế, sự giảm sút của của các loại hàng hóa trước kia được nhập từ chính quốc, sự phát triển của cơ sở hạ tầng, sự mở rộng của mạng lưới giao thông... là

những yếu tố làm cho hoạt động thương mại trở nên sôi nổi theo chiều hướng phụ thuộc trong chừng mực nhất định vào nền sản xuất trong nước, tức là sự phát triển của các ngành hàng mà thị trường quốc tế đang cần và có thể đem lại lợi nhuận cao cho các công ty thương mại.

CHÚ THÍCH

- (1). Charles Robequain: *Évolution économique de l'Indochine*, Paris, 1939, p. 183
- (2). P. Brocheux và D. Hémery: *Indochine, la colonisation ambiguë, 1858-1954*, của Pierre Brocheux và Daniel Hémery, Paris, 1995, phần phụ lục.
- (3). Martin J. Murray: *The Development of Capitalism in Colonial Indochina (1870-1940)*, University of California Press, London, 1980, pp. 125, 126, 127
- (4). Direction des Finances 12.489.
- (5). Patrice Morlat: *Indochine années vingt: Le Balcon de la France sur le Pacifique*, Paris, Les Indes Savantes, 2001, p. 369
- (6). Patrice Morlat: *Indochine années vingt: Le Balcon de la France sur le Pacifique*, sdd, p. 369. Cho đến 1918 đồng fr ngang giá với fr vàng nhưng từ 1919 trở đi đồng fr mất giá do lạm phát do đó 1 fr vàng tương đương 2,53 fr (1919), 3,58 fr (1920), 3,74 fr (1924), 4 fr (1925), 5,55 fr (1927-1928). Patrice Morlat: *Indochine années vingt: Le Balcon de la France sur le Pacifique*, sdd, p. 369
- (7). Patrice Morlat: *Indochine années vingt: Le Balcon de la France sur le Pacifique*, sdd, p. 369
- (8). *Bulletin économique de l'Indochine* (B.E.I), năm 1952, p. 58
- (9). Tham khảo *Résumé statistique relatif aux années 1913-1940*, p. 22
- (10). Alfred Sauvy, *opcit* TII, p. 156, dẫn theo P. Morlat, sdd, p. 371
- (11). Các số liệu tổng hợp từ *Résumé statistique relatif aux années 1913-1940*, p. 24
- (12). Các số liệu tổng hợp từ *Résumé statistique relatif aux années 1913-1940*, p. 23
- (13). Patrice Morlat: *Indochine années vingt...*, sdd, p. 213
- (14). Patrice Morlat: *Indochine années vingt...*, sdd, p. 210
- (15). Patrice Morlat: *Indochine années vingt...*, sdd, p. 371
- (16). Patrice Morlat: *Indochine années vingt...*, sdd, p. 371
- (17). RST 75079. Extrait des rapports mensuels de Receveurs des Douanes et Régies concernant la situation économique de diverses provinces du Tonkin 1924-1928.
- (18). RST 75079. Extrait des rapports mensuels de Receveurs des Douanes et Régies concernant la situation économiques des diverses provinces du Tonkin 1924-1928.
- (19). FOM. Carton 183, Dossier 83. Café-Production 1898 - 1953. Xem Tạ Thị Thuý: *Việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ 1919-1945*, sdd, tr. 305
- (20). RST 75079.
- (21). BEI, 1930, p. 173
- (22). P. Brocheux và D. Hémery, sdd, Phần phụ lục.